

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2021/DS-PT
Ngày 29-6-2021
“*V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Tôn
Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương
Ông Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 tháng 5, ngày 03 tháng 7, ngày 01 tháng 9 năm 2020 và ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2020/TLPT-DS ngày 17/02/2020, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 160/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 170/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Trần Phước H, sinh năm 1958 (đã chết);

Địa chỉ: Số 620, ấp An N, xã Mỹ An A, huyện V, Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Phước H:

1. Trần Thị L, sinh năm 1955;

Người đại diện theo ủy quyền của Trần Thị L là: Anh Trần Quốc M, sinh năm 1990 (theo văn bản ủy quyền ngày 25/9/2020); Cùng địa chỉ: Số 620, ấp An

N, xã Mỹ An A, huyện V, Đồng Tháp.

2. Trần Quốc M, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 620, ấp An N, xã Mỹ An A, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

* Bị đơn: Đặng Văn H1, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Số 101, ấp An P, xã Hội An Đ1, huyện V, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn H1 là: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp 4, xã Đốc Binh K, huyện Tháp M1, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 18/6/2021).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn M2, sinh năm 1968, (bị khuyết tật tâm, đần);

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Văn M2 là: Anh Trần Quốc M, sinh năm: 1990 (theo văn bản ủy quyền ngày 25/9/2020); Cùng địa chỉ: Số 620, ấp An N, xã Mỹ An A, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

2. Trần Thị L, sinh năm 1955;

3. Trần Quốc M, sinh năm 1990;

4. Nguyễn Bích Th, sinh năm 1990;

Người đại diện theo ủy quyền của Trần Thị L, Nguyễn Bích Th là: Anh Trần Quốc M, sinh năm 1990 (theo văn bản ủy quyền ngày 25/9/2020); Cùng địa chỉ: Số 620, ấp An N, xã Mỹ An A, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Thị L1, sinh năm 1952;

6. Đặng Minh Ê, sinh năm 1980;

7. Đặng Minh O, sinh năm 1988;

8. Đặng Thị Y, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Số 101, ấp An P, xã Hội An Đ1, huyện V, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị L1, Đặng Minh Ê, Đặng Minh O, Đặng Thị Y là: Ông Đặng Văn H1, sinh năm 1951; Địa chỉ: Số 101, ấp An P, xã Hội An Đ1, huyện V, Đồng Tháp và anh Lê Văn Đ, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp 4, xã Đốc Binh K, huyện Tháp M1, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 23/12/2019).

Anh M, anh Đ có mặt tại phiên tòa. Ông H1 vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo ông Trần Phước H, ông H đại diện theo ủy quyền của Trần Thị L, Trần Quốc M, Nguyễn Bích Th trình bày:*

Vào năm 1998, ông Trần Phước H có cổ cho ông Đặng Văn H1 diện tích đất là 6.270m², thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 3 do ông Trần Phước H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá là 40 chỉ vàng 24k, vàng thị trường. Đến năm 1999, thì Nhà nước đào kênh thủy lợi (Kênh ranh Bình Thạnh Tr - Hội An Đ1) cắt ngang qua thửa đất trên của ông H, chia đất ông H thành hai phần, một phần nằm ở xã Hội An Đ1 khoảng hơn 03 công, còn một phần nằm ở địa phận xã Bình Thạnh Tr giáp với thửa đất số 7, tờ bản đồ số 03 của ông Đặng Văn H1 diện tích theo đo đạc thực tế là 692,2m² (đã trừ phần lộ cấp bờ kênh thủy lợi cho Nhà nước quản lý). Đến năm 2002, ông H xin chuộc đất lại và ông H1 đã giao trả phần đất phía bên kia kênh thủy lợi (thuộc xã Hội An Đ1) lại cho ông H, còn phần đất theo đo đạc thực tế là 692,2m² phía bên xã Bình Thạnh Tr giáp với đất ông H1 thì ông H1 không trả mà thuê ông Lưu Hồng B xới đất lấp giồng ranh giữa đất ông H và đất ông H1 và tiếp tục sử dụng trồng lúa từ đó đến nay. Do ông H1 không đồng ý trả phần đất trên cho ông H, ông H nhiều lần tranh chấp với ông H1 ở ấp, xã từ năm 2003-2004 nhưng hòa giải không thành. Đến năm 2013, ông H yêu cầu tổ hòa giải ấp Bình Thạnh Tr hòa giải, trước khi hòa giải ông T tổ hòa giải có xuống thực địa phần đất tranh chấp giữa đất ông H và đất ông H1 phía bên Bình Thạnh Tr sau khi tổ hòa giải ấp hòa giải không thành thì ông H có yêu cầu xã Bình Thạnh Tr giải quyết tiếp cũng không thành nên ông H khởi kiện tại Tòa án.

Nay ông Trần Phước H, bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn M2, anh Trần Quốc M, chị Nguyễn Bích Th yêu cầu ông Đặng Văn H1 và các thành viên trong hộ trả lại diện tích đất là 692,2m², trong phạm vi các mốc là (M1, M2, M3), theo sơ đồ đo đạc ngày 23/02/2018, đất tọa lạc tại xã Bình Thạnh Tr, huyện V, tỉnh Đồng Tháp hiện do gia đình ông H1 quản lý, sử dụng. Trường hợp ông H1 không đồng ý trả đất thì ông H yêu cầu ông H1 trả cho ông H giá trị thửa đất trên số tiền là 120.000.000 đồng, ông H sẽ giao phần đất trên cho hộ ông H1 quản lý, sử dụng.

** Ông Đặng Văn H1, ông H1 đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị L1, Đặng Minh Ê, Đặng Minh O, Đặng Thị Y trình bày:* Vào năm 1998, ông H1 có nhận cổ đất của ông Trần Phước H diện tích 6.270m², thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ số 3, do ông Trần Phước H đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 40 chỉ vàng 24k, vàng thị trường. Đến năm 1999 thì Nhà nước đào kênh thủy lợi (Kênh ranh Bình Thạnh Tr – Hội An Đ1), chia đất ông H thành hai phần, một phần bên kia kênh thủy lợi (thuộc xã Hội An Đ1) và một phần giáp thửa đất số 7, tờ bản đồ số 3 thuộc xã Bình Thành Tr của ông H1 (phần đất giáp ông H1 chiều ngang chỉ khoảng 01-02m, chạy dài theo đất ông H1 diện tích không như ông H trình bày). Đến năm 2002, thì ông H xin chuộc đất lại và ông

H1 đã giao trả phần đất phía bên kia kênh thủy lợi (thuộc xã Hội An Đ1) lại cho ông H, còn phần đất cặp kênh thủy lợi phía bên xã Bình Thạnh Tr giáp với đất ông H1 thì ông H1 tiếp tục sử dụng từ đó đến nay. Một thời gian sau, ông H1 có thỏa thuận với ông Lưu Hồng B xới dần công qua lại, ông B xới toàn bộ phần đất lúa của ông H1 (toàn bộ thửa đất số 7, tờ bản đồ số 3) chứ ông B không có xới đất lấp bờ ranh như ông H trình bày.

Khoảng năm 2010, ông H1 đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 7, tờ bản đồ số 3 vay tiền Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V số tiền là 30.000.000 đồng. Hiện nay ông H1 đã trả nợ cho Ngân hàng xong và đã nhận tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất đang tranh chấp, hiện bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này ông H1 không thể chấp cho tổ chức tín dụng nào.

Nay ông Đặng Văn H1, bà Nguyễn Thị L1, anh Đặng Minh Ê, anh Đặng Minh O, chị Đặng Thị Y thừa nhận là sau khi đào kênh thủy lợi thì đất ông H còn lại phía bên Bình Thạnh Tr giáp đất ông H1 nhưng diện tích ít hơn không như ông H trình bày. Ông H1, bà L1, anh Ê, anh O, chị Y không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông Trần Phước H, chỉ đồng ý bồi hoàn giá trị đất còn lại cho ông H số tiền là 6.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 98/2019/DS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện V, quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Phước H.

Buộc ông Đặng Văn H1 cùng các thành viên trong hộ gồm: Nguyễn Thị L1, Đặng Minh Ê, Đặng Minh O, Đặng Thị Y cùng có nghĩa vụ giao trả cho hộ ông Trần Phước H diện tích 692,2m², thuộc một phần thửa đất số 2, tờ bản đồ số 3 do ông Trần Phước H đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã Bình Thạnh Tr, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, đất hiện do hộ ông H1 quản lý, sử dụng. *(Có sơ đồ đo đạc ngày 23/2/2018 kèm theo)*

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/12/2019, ông H1 kháng cáo quá hạn và được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp chấp nhận kháng cáo quá hạn: Ông H1 yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Trần Quốc M trình bày: Anh M là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H và là đại diện theo ủy quyền của bà L và chị Th, ông M2 xác định, trước đây cha anh M là ông H có tranh chấp đất với hộ của ông H1 và yêu cầu ông H1 cùng các thành viên trong hộ gồm bà L1, anh Ê, anh O,

chị Y cùng có nghĩa vụ giao trả cho hộ ông H diện tích đất là 692,2m², thuộc một phần thửa đất số 2, tờ bản đồ số 3 do ông H đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã Bình Thạnh Tr, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, đất hiện do hộ ông H1 quản lý, sử dụng. Nay anh M đại diện cho bà L, ông M2, chị Th không yêu cầu trả đất mà thống nhất yêu cầu hộ của ông H1 trả lại giá trị đất với số tiền tổng cộng là 40.000.000 đồng, chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.141.000 đồng, chịu tiền án phí theo quy định. Hộ ông H1 gồm ông H1, bà L1, anh Ê, anh O, chị Y được quyền quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp với diện tích là 692,2m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M3 về M1 theo quy định pháp luật.

Anh Lê Văn Đ trình bày: Anh Đ đại diện theo ủy quyền của hộ ông H1 gồm ông H1, bà L1, anh Ê, anh O, chị Y thống nhất theo yêu cầu của hộ ông H gồm anh M, bà L, ông M2, chị Th đồng ý trả số tiền là 40.000.000 đồng, chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.141.000 đồng, chịu tiền án phí theo quy định. Hộ ông H1 gồm ông H1, bà L1, anh Ê, anh O, chị Y được quyền quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp với diện tích là 692,2m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M3 về M1 theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo quá hạn của ông Đặng Văn H1 đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết chấp nhận tại quyết định số 463/2019/QĐ-PT ngày 26/12/2019. Cho nên việc kháng cáo của ông H1 là hợp lệ.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự nhưng ông Đặng Văn H1 là bị đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông H1, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Xét thấy: Trước đây cha anh M là ông H có tranh chấp đất với hộ của ông H1 và yêu cầu ông H1 cùng các thành viên trong hộ gồm bà L1, anh Ê, anh O, chị Y cùng có nghĩa vụ giao trả cho hộ ông H diện tích đất là 692,2m², thuộc một phần thửa đất số 2, tờ bản đồ số 3 do ông H đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã Bình Thạnh Tr, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, đất hiện do hộ ông H1 quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh M, đồng thời đại diện theo ủy quyền của bà L, chị Th, ông M2 không yêu cầu trả đất mà thống nhất yêu cầu hộ của ông H1 trả lại giá trị đất với số tiền tổng cộng là 40.000.000 đồng, chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.141.000 đồng, chịu tiền án phí theo quy định. Hộ ông H1 gồm ông H1, bà L1, anh Ê, anh O, chị Y được quyền quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp với diện tích đất là 692,2m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M3 về M1 theo quy định của pháp luật. Hộ ông H1 gồm ông H1, bà L1, anh Ê, anh O, chị Y cùng ủy quyền cho anh Đ đã thống nhất theo yêu cầu của hộ ông H gồm anh M, bà L, ông M2, chị Th đồng ý liên đới trả số tiền là 40.000.000 đồng, chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.141.000 đồng, chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Hộ ông H1 gồm ông H1, bà L1, anh Ê, anh O, chị Y được quyền quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp với diện tích đất là 692,2m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M3 về M1 theo quy định của pháp luật.

Số tiền trả giá trị đất là 40.000.000 đồng và số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.141.000 đồng. Tổng cộng là 46.141.000 đồng, anh Đ đại diện cho hộ của ông H1 đã giao cho anh M đại diện cho hộ của ông H xong. Anh M đại diện cho hộ của ông H đã nhận đủ số tiền 46.141.000 đồng.

[3] Qua lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy việc thỏa thuận nêu trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và có cơ sở nên Hội đồng xét xử xét công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đã thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử xét sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Đối với phần đất bờ kênh (đường đất) có diện tích là 703m², các bên không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Xét việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về chi phí tố tụng: Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hộ của ông H1 đồng ý tự nguyện chịu.

[10] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Phước H số tiền tạm ứng án phí do ông H đã nộp là 1.275.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005066 ngày 04/6/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Ông Đặng Văn H1, bà Nguyễn Thị L1, anh Đặng Minh Ê, anh Đặng Minh O, chị Đặng Thị Y có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Văn H1 không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Đặng Văn H1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009145 ngày 14/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2- Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Các Điều 147, 157, 165, 296, 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 98/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện V.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bà Trần Thị L, anh Trần Quốc M, chị Nguyễn Bích Th, ông Nguyễn Văn M2 yêu cầu ông Đặng Văn H1, bà Nguyễn Thị L1, anh Đặng Minh Ê, anh Đặng Minh O, chị Đặng Thị Y cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trần Thị L, anh Trần Quốc M, chị Nguyễn Bích Th, ông Nguyễn Văn M2 số tiền là

40.000.000 đồng.

Ông Đặng Văn H1, bà Nguyễn Thị L1, anh Đặng Minh Ê, anh Đặng Minh O, chị Đặng Thị Y đồng ý liên đới trả cho bà Trần Thị L, anh Trần Quốc M, chị Nguyễn Bích Th, ông Nguyễn Văn M2 số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Số tiền 40.000.000 đồng, anh Lê Văn Đ đại diện theo ủy quyền của hộ ông H1 đã giao cho anh Trần Quốc M là đại diện cho hộ của ông H, anh Trần Quốc M đã nhận đủ số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Hộ của ông H1 gồm Đặng Văn H1, bà Nguyễn Thị L1, anh Đặng Minh Ê, anh Đặng Minh O, chị Đặng Thị Y được tiếp tục sử dụng diện tích đất là 692,2m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M3 về M1, thuộc một phần thửa đất số 2, tờ bản đồ số 3 do ông Trần Phước H đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã Bình Thạnh Tr, huyện V, tỉnh Đồng Tháp, đất hiện do hộ ông H1 quản lý, sử dụng.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/02/2018 và sơ đồ đo đạc ngày 23/02/2018, ngày 30/6/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện V).

Hộ của ông H gồm bà Trần Thị L, anh Trần Quốc M, chị Nguyễn Bích Th, ông Nguyễn Văn M2 và hộ của ông H1 gồm Đặng Văn H1, bà Nguyễn Thị L1, anh Đặng Minh Ê, anh Đặng Minh O, chị Đặng Thị Y được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng là 6.141.000 đồng, số tiền này ông H đã tạm nộp và đã chi xong, chi phí này hộ của ông H1 đồng ý tự nguyện chịu, anh Đ đại diện theo ủy quyền của hộ ông H1 gồm Nguyễn Thị L1, Đặng Minh Ê, Đặng Minh O, Đặng Thị Y đã trả lại cho anh M đại diện cho hộ của ông H gồm Trần Thị L, Trần Quốc M, Nguyễn Bích Th, ông Nguyễn Văn M2 số tiền là 6.141.000 đồng. Anh Trần Quốc M đã nhận đủ số tiền là 6.141.000 đồng (Sáu triệu một trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Phước H số tiền tạm ứng án phí do ông H đã nộp là 1.275.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 005066 ngày 04/6/2013 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Ông Đặng Văn H1, bà Nguyễn Thị L1, anh Đặng Minh Ê, anh Đặng Minh O, chị Đặng Thị Y có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là

2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Văn H1 không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Đặng Văn H1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009145 ngày 14/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tỉnh;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.(T)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Tôn